TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 01 năm 2018

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Đặng Xuân Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị N có mặt tại phiên tòa, anh L có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu, chứng*

cứ đã xuất trình và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 28/10/2013. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khi sinh con (tháng 8/2015), vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L làm xa nhà, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc đến hai mẹ con chị, anh L còn có những thái độ coi thường gia đình chị N và không tôn trọng chị N. Từ những nguyên nhân đó dẫn đến việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Tháng 12/2016, chị N đã bế con về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh L từ đó đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Chị N và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 26/8/2015. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Chị N xác định vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, anh Nguyễn Tiến L trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị N như sau:*

1. Về hôn nhân: Về thời gian, thủ tục, điều kiện đăng ký kết hôn anh L trình bày phù hợp với lời khai của chị N. Anh L xác định vợ chồng anh đã nảy sinh mâu thuẫn nhiều năm, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tình cảm, anh L làm ăn xa nhà nên sự quan tâm, chăm sóc đến vợ con không được nhiều. Do vậy, anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L đồng ý ly hôn với chị N. Tuy nhiên, do anh L đang làm ăn xa, không về tham gia tố tụng tại phiên tòa được nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

2. Về con chung: Anh L khai phù hợp với lời khai của chị N. Anh L đồng

ý giao con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 26/8/2015 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L và chị N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Anh L xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn N (bố đẻ anh L) ngày 21/11/2017 thể hiện:*

Anh L và chị N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng chung sống hòa thuận tại gia đình ông N. Trong quá trình chung sống không phát sinh mâu thuẫn hay xô xát gì. Đến tháng 12/2016, chị N bế con về bố mẹ đẻ ở cho đến nay nhưng cũng không nói cho gia đình ông biết nguyên nhân. Do vậy, ông bà không nắm rõ được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh L, chị N. Nếu chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn anh L thì gia đình ông không có ý kiến gì. Gia đình ông đồng ý để chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nếu chị N không chăm sóc được thì gia đình ông đề nghị chị N giao cháu Nguyễn Hoàng L cho gia đình ông chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải quyết vụ án dân sự:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng của Tòa án và có lời khai gửi cho Tòa án nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn cũng tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Tiến L có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh L là hợp pháp.

- Về nội dụng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến L. Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 26/8/2015 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] **Về nội dung:**

* Về hôn nhân: Chị N và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, từ tháng 8/2015 đến nay, cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn anh L là có căn cứ, đồng thời anh L cũng đồng ý ly hôn với chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N.

* Về con chung: Chị N và anh L xác định có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 26/8/2015. Chị N và anh L đều thống nhất giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L và chị N tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng cho con. Vì vậy, sự thỏa thuận về việc nuôi con của chị N và anh L là hợp pháp nên cần chấp nhận.

* Về tài sản: Chị N và anh L đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 131, 179, 199, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

I. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tiến L.

II. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 26/8/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N và anh L tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh L và chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

III. Về tài sản: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tiến L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

IV. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006658 ngày 04/10/2017 sang thi hành án phí.

IV. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/01/2018). Anh Nguyễn Tiến L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP. Thái Bình;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà